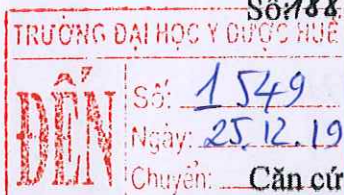


Số: 1884/TB-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 12 năm 2019



THÔNG BÁO

Tuyển sinh Cao học lần 1 năm 2020 của Đại học Huế

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 2070/QĐ-ĐHH ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế; Đại học Huế thông báo tuyển sinh Cao học lần 1 năm 2020 (dự kiến thi tuyển sinh vào tháng 4 năm 2020) như sau:

I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

A. TUYỂN SINH TẠI ĐẠI HỌC HUẾ (Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế)

Gồm 81 ngành vào các trường đại học thành viên và khoa trực thuộc:

1. Trường Đại học Khoa học

- 1.1. Ngôn ngữ học (mã số: 8229020)
- 1.2. Văn học (mã số: 8229030)
- 1.3. Triết học (mã số: 8229001)
- 1.4. Lịch sử thế giới (mã số: 8229011)
- 1.5. Lịch sử Việt Nam (mã số: 8229013)
- 1.6. Dân tộc học (mã số: 8310310)
- 1.7. Sinh học (mã số: 8430101)
- 1.8. Sinh học thực nghiệm (mã số: 8420114)
- 1.9. Công nghệ sinh học (mã số: 8420201)
- 1.10. Hóa học (mã số: 8440112)
- 1.11. Vật lý chất rắn (mã số: 8440104)
- 1.12. Quang học (mã số: 8440110)
- 1.13. Địa chất học (mã số: 8440201)
- 1.14. Kỹ thuật địa chất (mã số: 8520501)
- 1.15. Địa lý tài nguyên và môi trường (mã số: 8440220)
- 1.16. Khoa học môi trường (mã số: 8440301)
- 1.17. Kiến trúc (mã số: 8580101)
- 1.18. Toán học (mã số: 8460101)
- 1.19. Toán ứng dụng (mã số: 8460112)
- 1.20. Khoa học máy tính (mã số: 8480101)
- 1.21. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 8850101)
- 1.22. Công tác xã hội (mã số: 8760101)
- 1.23. Quản lý văn hóa (mã số: 8319042)

2. Trường Đại học Nông Lâm

- 2.1. Bảo vệ thực vật (mã số: 8620112)
- 2.2. Chăn nuôi (mã số: 8620105)
- 2.3. Công nghệ thực phẩm (mã số: 8540101)
- 2.4. Khoa học cây trồng (mã số: 8620110)
- 2.5. Kỹ thuật cơ khí (mã số: 8520103)
- 2.6. Lâm học (mã số: 8620201)

2.7. Nuôi trồng thủy sản (mã số: 8620301)

2.8. Phát triển nông thôn (mã số: 8620116)

2.9. Quản lý đất đai (mã số: 8850103)

2.10. Thú y (mã số: 8640101)

3. Trường Đại học Ngoại ngữ

3.1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (mã số: 8140111)

3.2. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu (mã số: 6022024)

3.3. Ngôn ngữ Anh (mã số: 8220201)

4. Trường Đại học Kinh tế

4.1. Kinh tế chính trị (mã số: 8310102)

4.2. Quản trị kinh doanh (mã số: 8340101)

4.3. Quản lý kinh tế (mã số: 8340410)

4.4. Kinh tế nông nghiệp (mã số: 8620115)

5. Trường Đại học Sư phạm

5.1. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) (mã số: 8140101)

5.2. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - tiếng Việt (mã số: 8140111)

5.3. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 8140111)

5.4. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 8140111)

5.5. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 8140111)

5.6. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hoá học (mã số: 8140111)

5.7. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 8140111)

5.8. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8140111)

5.9. Quản lý giáo dục (mã số: 8140114)

5.10. Lý luận văn học (mã số: 8220120)

5.11. Văn học Việt Nam (mã số: 8220121)

5.12. Lịch sử thế giới (mã số: 8229011)

5.13. Lịch sử Việt Nam (mã số: 8229013)

5.14. Tâm lý học (mã số: 8310401)

5.15. Địa lý học (mã số: 8310501)

5.16. Động vật học (mã số: 8420103)

5.17. Thực vật học (mã số: 8420111)

5.18. Vật lý lý thuyết và vật lý toán (mã số: 8440103)

5.19. Hoá vô cơ (mã số: 8440113)

5.20. Hoá hữu cơ (mã số: 8440114)

5.21. Hoá phân tích (mã số: 8440118)

5.22. Hoá lý thuyết và hoá lý (mã số: 8440119)

5.23. Địa lý tự nhiên (mã số: 8440217)

5.24. Toán giải tích (mã số: 8460102)

5.25. Đại số và lý thuyết số (mã số: 8460104)

5.26. Hình học và tôpô (mã số: 8460105)

5.27. Hệ thống thông tin (mã số: 8480104)

6. Trường Đại học Y Dược

6.1. Khoa học y sinh (mã số: 8720101)

6.2. Ngoại khoa (mã số: 8720104)

6.3. Sản phụ khoa (mã số: 8720105)

6.4. Nhi khoa (mã số: 8720106)

- 6.5. Nội khoa (mã số: 8720107)
- 6.6. Tai - Mũi - Họng (mã số: 8720155)
- 6.7. Điện quang và y học hạt nhân (mã số: 8720111)
- 6.8. Y tế công cộng (mã số: 8720701)
- 6.9. Răng - Hàm - Mặt (mã số: 8720501)
- 6.10. Y học cổ truyền (mã số: 8720113)
- 6.11. Quản lý bệnh viện (mã số: 8720802)
- 6.12. Điều dưỡng (mã số: 8720301)
- 6.13. Gây mê hồi sức (mã số: 8720102)
- 7. Trường Đại học Luật**
 - 7.1. Luật kinh tế (mã số: 8380107)
 - 7.2. Lý luận và lịch sử Nhà nước và Pháp luật (mã số: 8380106)
- 8. Khoa Du lịch**
 - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã số: 8810103)

B. TUYỂN SINH TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Thí sinh dự thi một số ngành có thể chọn địa điểm thi tại các địa phương, cụ thể như sau:

1. Các ngành thuộc Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

1.1. Tuyển sinh tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị:

- 1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 8140111)
- 2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8140111)
- 3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 8140111)
- 4. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (mã số: 8140111)
- 5. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 8140111)
- 6. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 8140111)
- 7. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – tiếng Việt (mã số: 8140111)
- 8. Văn học Việt Nam (mã số: 8220121)
- 9. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) (mã số: 8140101)
- 10. Quản lý giáo dục (mã số: 8140114)
- 11. Địa lý tự nhiên (mã số: 8440217)
- 12. Hệ thống thông tin (mã số: 8480104)

1.2. Tuyển sinh tại Trường Đại học An Giang:

- 1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8140111)
- 2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 8140111)
- 3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (mã số: 8140111)
- 4. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 8140111)
- 5. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 8140111)
- 6. Văn học Việt Nam (mã số: 8220121)

1.3. Tuyển sinh tại Trường Đại học Cửu Long:

- 1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8140111)
- 2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 8140111)
- 3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (mã số: 8140111)
- 4. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 8140111)
- 5. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 8140111)
- 6. Địa lý tự nhiên (mã số: 8140114)
- 7. Quản lý giáo dục (mã số: 8140114)

1.4. Tuyển sinh tại Trường Đại học Buôn Ma Thuật:

1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (mã số: 8140111)
2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 8140111)
3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt (mã số: 8140111)
4. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 8140111)
5. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8140111)
6. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 8140111)
7. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 8140111)
8. Địa lý tự nhiên (mã số: 8440217)
9. Quản lý giáo dục (mã số: 8140114)
10. Vật lý lý thuyết và vật lý toán (mã số: 8440103)
11. Hóa vô cơ (mã số: 8440113)
12. Giáo dục học (mã số: 8440101)

1,5. Tuyển sinh tại Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai:

1. Giáo dục học (mã số: 8440101)
2. Quản lý giáo dục (mã số: 8140114)
3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8140111)

2. Các ngành thuộc Trường Đại học Khoa học

2.1. Tuyển sinh tại Trường Đại học An Giang (tỉnh An Giang):

1. Khoa học máy tính (mã số: 8480101)
2. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 8850101)

2.2. Tuyển sinh tại Trường CĐSP Gia Lai (tỉnh Gia Lai):

1. Khoa học máy tính (mã số: 8480101);
2. Vật lý chất rắn (mã số: 8440104)
3. Văn học (mã số: 8229031)
4. Triết học (mã số: 8229001)

2.3. Tuyển sinh tại Phân viện Học viện HCQG khu vực Tây Nguyên (tỉnh Đắk Lắk):

1. Khoa học máy tính (mã số: 8480101)
2. Quản lý văn hóa (mã số: 8319042)
3. Triết học (mã số: 8229001)

2.4. Tuyển sinh tại Trường Đại học Trà Vinh

1. Triết học (mã số: 8229001)
2. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 8850101)

2.5. Tuyển sinh tại Trường CĐ cộng đồng Kon Tum

1. Khoa học máy tính (mã số: 8480101)
2. Quản lý văn hóa (mã số: 8319042)

2.6. Tuyển sinh tại Trường CĐ cộng đồng Đắk Nông

1. Triết học (mã số: 8229001)
2. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 8850101)

3. Các ngành thuộc Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Tuyển sinh tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị:

1. Lâm học (mã số: 8620201)
2. Phát triển nông thôn (mã số: 8620116)

4. Các ngành thuộc Khoa Du lịch - Đại học Huế

- 4.1. Tuyển sinh tại Trường Đại học An Giang (tỉnh An Giang), ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã số: 8810103).

4.2. Tuyển sinh tại Trường Đại học Cửu Long (Vĩnh Long) ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã số: 8810103).

5. Các ngành thuộc Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

5.1. Tuyển sinh tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị:

1. Quản trị kinh doanh (mã số: 8340101)

2. Quản lý kinh tế (mã số: 8340410)

5.2. Tuyển sinh tại Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Đăk Nông:

1. Quản trị kinh doanh (mã số: 8340101)

2. Kinh tế chính trị (mã số: 8310102)

3. Kinh tế nông nghiệp (mã số: 8620115)

5.3. Tuyển sinh tại Trường Đại học Yersin – Đà Lạt:

1. Kinh tế chính trị (mã số: 8310102)

2. Kinh tế nông nghiệp (mã số: 8620115)

3. Quản trị kinh doanh (mã số: 8340101)

4. Quản lý kinh tế (mã số: 8340410)

6. Các ngành thuộc Trường Đại học Luật, Đại học Huế

6.1. Tuyển sinh tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị:

- Ngành Luật kinh tế (mã số: 8380107)

6.2. Tuyển sinh tại Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum:

- Ngành Luật kinh tế (mã số: 8380107):

6.3. Tuyển sinh tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Đăk Lăk:

- Ngành Luật kinh tế (mã số: 8380107):

6.4. Tuyển sinh tại Trường Cao đẳng Sư phạm Gia lai:

- Ngành Luật kinh tế (mã số: 8380107):

6.5. Tuyển sinh tại Trường ĐH Quang Trung – Bình Định:

- Ngành Luật kinh tế (mã số: 8380107):

6.6. Tuyển sinh tại Trường Đại học An Giang:

- Ngành Luật kinh tế (mã số: 8380107):

Lưu ý:

+ Nếu số lượng thí sinh đăng ký dự thi tại một điểm thi địa phương thấp hơn 30 thí sinh, Đại học Huế sẽ chuyển thí sinh đến dự thi tại một điểm thi khác hoặc tại Huế.

II. CHƯƠNG TRÌNH, THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo: Theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng

2. Thời gian đào tạo: Từ 1,5 năm đến 2 năm tùy theo chương trình đào tạo của từng ngành.

3. Hình thức đào tạo: Khoá học được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ THI

1. Về văn bằng: Thí sinh dự thi phải có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cấp. Đối với văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải có văn bản thẩm định và công nhận văn bằng của Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau đây (trừ các ngành nêu ở mục 6 dưới đây có một số điều kiện riêng):

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi;

b) Đã tốt nghiệp đại học các ngành gần với ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức của chương trình đại học trước khi dự thi.

c) Đã tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành đăng ký dự thi và đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức để được công nhận là tương đương với ngành đúng hoặc phù hợp theo quy định về tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

Nội dung, khối lượng (số tiết) các môn học bổ sung ngành gần và ngành khác căn cứ vào quy định về tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn (trừ các ngành nêu ở mục 6 dưới đây có một số điều kiện riêng):

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng hoặc phù hợp (tốt nghiệp loại khá trở lên đối với người dự thi vào các ngành: Kiến trúc; Lý luận và lịch sử Nhà nước và Pháp luật) với ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

b) Những thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần với ngành đăng ký dự thi (hoặc tốt nghiệp ngành đúng, loại trung bình đối với người dự thi vào các ngành: Kiến trúc; Lý luận và lịch sử Nhà nước và Pháp luật) phải có ít nhất một năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành đăng ký dự thi tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

c) Những thí sinh thuộc ngành khác với ngành đăng ký dự thi (theo quy định tại Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác trong các kỳ thi tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-ĐHH ngày 24/9/2015 và các Quyết định bổ sung của Giám đốc Đại học Huế) phải có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành đăng ký dự thi tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

4. Có đủ sức khỏe để học tập.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên và trực thuộc.

6. Điều kiện riêng về văn bằng, kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự thi cao học của các ngành:

6.1. Quản lý giáo dục

6.1.1. Văn bằng: Người dự thi nếu có bằng tốt nghiệp đại học không phải ngành đúng với ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

6.1.2. Kinh nghiệm công tác chuyên môn: Người dự thi phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giảng dạy hoặc quản lý giáo dục tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

6.1.3. Đối tượng dự thi: Người dự thi phải làm việc tại một trong các vị trí công tác sau:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường từ mầm non trở lên; trưởng khoa, phó trưởng khoa các trường cao đẳng và đại học; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Sở/Phòng giáo dục và đào tạo, Phòng/Ban Đào tạo - Giáo vụ của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

b) Tổ trưởng tổ chuyên môn các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung cấp chuyên nghiệp.

c) Người thuộc diện quy hoạch tạo nguồn quản lý giáo dục: Phải có xác nhận là người thuộc diện quy hoạch tạo nguồn quản lý giáo dục của Nhà trường nơi đang công tác (đối với

người đang công tác ở các đại học, trường đại học, viện nghiên cứu) hoặc của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý (đối với người đang công tác ở các trường từ mầm non đến cao đẳng).

6.2. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)

Người dự thi phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục Tiểu học.

6.3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện về văn bằng sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học các hệ: Chính quy, Văn bằng 2 hoặc Vừa học vừa làm ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi gồm một trong các ngành Ngôn ngữ/Tiếng: Anh, Pháp, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Lào, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý, Ả Rập.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc chuyên tu ngành Sư phạm Tiếng Anh;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học Tiếng Anh hệ Liên thông;

d) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi gồm một trong các ngành: Ngôn ngữ Trung/Tiếng Trung, Việt Nam học (ngành Ngôn ngữ - Văn hóa và du lịch), Ngôn ngữ học (Ngành Việt ngữ và đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ 2 là một ngoại ngữ), Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Trung, Sư phạm Tiếng Nhật, Hàn Quốc học, Nhật Bản học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Quốc tế học.

6.4. Các ngành: Nội khoa; Ngoại khoa; Sản phụ khoa; Nhi khoa; Điện quang và y học hạt nhân; Tai – Mũi – Họng; Răng – Hàm – Mặt, Gây mê hồi sức và Y học cổ truyền:

Người dự thi phải thoả mãn một trong các điều kiện về văn bằng sau:

a) Có bằng tốt nghiệp bác sỹ ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi.

b) Tốt nghiệp cử nhân ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi do nước ngoài cấp bằng và đã được Cục đảm bảo chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp giấy thẩm định và công nhận văn bằng đại học, đồng thời người dự thi phải có giấy chứng nhận đã được đào tạo bổ sung theo yêu cầu tại Thông tư số 42/2018/TT-BYT ngày 26/12/2018 của Bộ Y tế.

6.5. Khoa học y sinh

Người dự thi phải thoả mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi.

b) Tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự thi và đã học bổ túc kiến thức trước khi dự thi.

d) Tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành dự thi, đã học bổ túc kiến thức trước khi dự thi và phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực thuộc khối ngành sức khỏe tính đến ngày đăng ký dự thi..

6.6. Điều dưỡng

Người dự thi phải tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi và phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn tính đến ngày đăng ký dự thi.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

1. Đối tượng

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Người đang công tác liên tục từ hai năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- b) Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh;
- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ hai năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực I;
- e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Chính sách

- a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm (*thang điểm 10*) vào kết quả thi môn Cơ sở ngành và mười điểm (*thang điểm 100*) vào kết quả thi môn Ngoại ngữ (nếu không thuộc diện miễn thi ngoại ngữ);
- b) Trường hợp người dự thi thuộc nhiều đối tượng ưu tiên thì chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

V. CÁC MÔN DỰ THI

1. Các môn thi tuyển: Môn Cơ sở ngành, môn Chủ chốt và môn Ngoại ngữ.

- a. Môn Cơ sở ngành: Kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.
- b. Môn Chủ chốt: Là môn chủ chốt của ngành đào tạo được xác định theo yêu cầu của ngành.

c. Môn Ngoại ngữ: Thí sinh chọn một trong các ngoại ngữ sau: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Hàn, Tiếng Trung, Tiếng Nhật.

Riêng thí sinh tốt nghiệp đại học Ngoại ngữ dự thi các ngành *Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Anh; Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu* phải thi một môn ngoại ngữ thứ hai không trùng với ngoại ngữ ghi trên bằng đại học chính.

Người đăng ký dự thi có thể theo dõi đề cương các môn thi tuyển sinh tại website <http://hueuni.edu.vn/sdh>, mục tuyển sinh cao học.

2. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Hàn, Tiếng Trung, Tiếng Nhật thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn Ngoại ngữ:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các thứ tiếng trên.
- d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được cấp sau ngày 06/12/2018 bởi các đơn vị đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đủ điều kiện triển khai thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT, gồm các đơn vị: Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội; Trường ĐHSB Hà Nội; Trường ĐH Hà Nội; Đại học Thái Nguyên; Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng; Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế; Trường ĐHSB Thành phố Hồ Chí Minh; Trường ĐH Cần Thơ và Trường ĐH Vinh (*các chứng chỉ này phải được cấp theo mẫu văn bằng chứng chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành*) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương được quy định tại phụ lục II, Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ hiện hành. Các chứng

chỉ này phải còn trong thời hạn 2 năm (*ngoại trừ chứng chỉ DELF các cấp độ đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận có giá trị vĩnh viễn*) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trong thông báo tuyển sinh.

VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Đơn xin dự thi theo mẫu của cơ sở giáo dục đại học, trong đó cần ghi rõ ngành, đối tượng dự thi (cán bộ công chức, doanh nhân, thí sinh tự do...), nghề nghiệp và nơi làm việc, cam kết thực hiện quy chế sau khi trúng tuyển.

2. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học nếu văn bằng không ghi loại tốt nghiệp.

3. Sơ yếu lý lịch được cơ quan quản lý nhân sự nơi thí sinh đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Công văn giới thiệu đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước.

5. Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ để học tập của một bệnh viện đa khoa.

6. Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian kinh nghiệm công tác chuyên môn.

7. Văn bằng hoặc chứng chỉ đủ điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ (nếu có); các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có) được xác nhận của cấp: cơ quan trực thuộc Bộ, Sở, UBND huyện hoặc tương đương. Các giấy tờ này chỉ được bổ sung trước khi Hội đồng tuyển sinh sau đại học duyệt danh sách dự thi chính thức.

8. Giấy xác nhận là cán bộ tạo nguồn quản lý giáo dục đối với đối tượng dự thi thuộc phần c, khoản 6.1.3, tiểu mục 6.1 của mục 6 nêu trên.

9. Các giấy tờ hồ sơ khác theo quy định của cơ sở giáo dục đại học và 4 ảnh (cỡ 3x4).

Tất cả các giấy tờ trên được đựng trong túi hồ sơ (cỡ 32 x 26 cm) có đề rõ họ tên và địa chỉ, số điện thoại liên hệ ở ngoài.

VII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

1. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo tuyển sinh đến hết ngày 28/02/2020.

2. Lịch thi (dự kiến):

- Buổi sáng ngày 04/4/2020: thi môn Ngoại ngữ
- Buổi chiều ngày 04/4/2020: thi môn Cơ sở ngành
- Buổi sáng ngày 05/4/2020: thi môn Chủ chốt

3. Địa điểm phát hành và thu nhận hồ sơ dự thi

Thí sinh dự thi liên hệ và gửi hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký dự thi theo địa chỉ:

3.1. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Khoa học; 77 Nguyễn Huệ, Tp Huế; ĐT: 0234.3837380.

3.2. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Kinh tế; 99 Hồ Đắc Di, Tp Huế; ĐT: 0234.3993888.

3.3. Phòng Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ; 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Tp Huế; ĐT: 0234.3830678.

3.4. Phòng Đào tạo Trường Đại học Nông Lâm; 102 Phùng Hưng, Tp Huế; ĐT: 0234.3537757.

3.5. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Sư phạm; 32 Lê Lợi, Tp Huế; ĐT: 0234.3824234, 0234.3837306.

3.6. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Y Dược; 06 Ngô Quyền, Tp Huế; ĐT: 0234.3822653-1072.

3.7. Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường - Hợp tác Quốc tế Trường Đại học Luật; Khu Quy hoạch Trường Bìa, Phường An Tây, Tp Huế; ĐT: 0234.3935665.

3.8. Tổ Khoa học – Hợp tác quốc tế, Khoa Du lịch, Đại học Huế; 22 Lâm Hoàng - Phường
Vỹ Dạ - Tp Huế; ĐT: 0234.3933411.

VIII. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

Lệ phí dự thi bao gồm:

1. Đăng ký dự thi: 100.000đ/hồ sơ, nộp tại Phòng Đào tạo Sau đại học của trường (hoặc khoa) thí sinh đăng ký dự thi.

2. Dự thi: 1.000.000đ/thí sinh (Một triệu đồng), nộp theo một trong hai cách:

2. 1. Nộp tại Phòng Đào tạo Sau Đại học của trường (hoặc khoa) đăng ký dự thi khi nộp hồ sơ.

2. 2. Chuyển tiền qua tài khoản của Đại học Huế, số tài khoản: 177010000003814, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Huế hoặc nộp trực tiếp tại Ban Kế hoạch - Tài chính Đại học Huế, số 03 Lê Lợi – TP Huế, ĐT: 0234 3845807

Người dự thi khi chuyển khoản phải ghi rõ các thông tin: Họ và tên, ngành đăng ký dự thi, Trường hoặc Khoa trực thuộc nơi thí sinh đăng ký dự thi.

Mọi chi tiết xin liên hệ với các địa chỉ nêu trên hoặc Ban Đào tạo - Đại học Huế,

Địa chỉ: Số 01 Điện Biên Phủ (tầng 3) - TP Huế; ĐT: 0234.3833578; Fax: 0234.3825902; Website: <http://hueuni.edu.vn/sdh/>. *mb*

Nơi nhận:

- Các Phó Giám đốc (để chỉ đạo);
- Trường ĐH Trà Vinh;
- Trường ĐH Buôn Ma Thuột;
- Trường ĐH An Giang;
- Trường ĐH Cần Thơ;
- Trường ĐH Cửu Long;
- Trường CĐSP Gia Lai;
- Trường ĐH Yersin – Đà Lạt;
- Trường ĐH Quang Trung – Bình Định
- Phân viện HVHCQG khu vực TN;
- Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum;
- Trường CĐ cộng đồng Kon Tum;
- Trường CĐ cộng đồng Đắk Nông;
- Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị (để thực hiện);
- Các Trường, Khoa có ĐT SDH (để thực hiện);
- Các Ban: CSVC, KHTC, TTPC, KTĐBCLGD (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.NĐP. *mb*

đề
phối
hợp



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Linh